

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

JACKMAN S3

Giày chelsea mái oả

JACKMAN, bạn sẽ có đư ợc độ bám chắc chắn trên m , khả năng bảo v và thoải mái cho người dùng giúp c lên c ơ th ể .



DBN



BLK

CO₂ 10.72 kg

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển Da ng	
lót bên trong	i tái chế lướ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, LG, FO, HI, HRO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.720 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CE · HRO · 3FIT SYSTEM · NESKRID



Mặt trên bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt



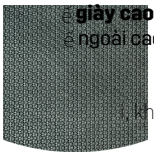
hấp thụ **gót chân** Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân [illegible] mang. ười



& nhiên [illegible] ế ngoài có k năng và nhiên liệu.



ường **có** thể **tháo** rờ Thay miếng lót giày thường xuyên hoặc lót giày chỉnh hình riêng, mái thể thoả



giày cao su ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù hợp với ứng dụng: khả năng chống cắt , khả năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng chống [illegible] và nhiều l



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi [illegible] cao [illegible] bảo vệ [illegible] ngón chân. Những đôi giày này cũng bảo vệ [illegible] ống đế và nghiền nát bàn chân.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Hoá h ọ c , Xây dự n g, Ngành công n g hiệ p , Dầu khí

ường: **Môi** t
r ư ờn g **môi khô,** Bề mặt cự c mị n , b ề mặt **không** bằn g phẳ n g, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách nhiệ g Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu a **đế** n g **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ư ấm ớ h ơ	? 0.8	9.1 ờ mg/cm/g
	Top: h i ệ số ớ h ơ	? 15	74.0 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ		
	L ớp **lót:** ư ấm ớ h ơ	? 2	63.7 ờ mg/cm/g
	lót: h i ệ số ớ h ơ	? 20	510 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**		
	Ch ố ư ợt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	92 mm
	Ch ư ố ợt c ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.43 ma sát
	r ợt c ố ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.42 ma sát
	r ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.28 ma sát
	Ch ư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.33 ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	20.5 megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20	32.0 J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	20.5 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.5 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi **không** có ý thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà **không** có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l ư ờn g q
i **CO phát** thả		
	V ật l iệu	8.43 kg
	Bao bì	0.13 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		10.72 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	6%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.